

# ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI BỆNH LÝ DƯƠNG VẬT Ở SINH VIÊN Y1 TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG NĂM 2024 -2025

Phạm Quốc Hiệu<sup>1</sup>

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** 1. Mô tả hình thái học dương vật sinh viên y khoa năm 1 trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2024 -2025. 2. Mô tả thực trạng bệnh lý dương vật ở nhóm sinh viên trên. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 168 nam sinh viên y khoa năm 1 khoá 46 trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2024 -2025. **Kết quả nghiên cứu:** Nam sinh viên có tuổi từ 18 đến 20 tuổi. Cân nặng, chiều cao, BMI trung bình lần lượt là 66,78 ± 9,64 kg, 170,99 ± 6,10 cm, 22,83 ± 3,04. Tuổi dậy thì trung bình là 14,45 ± 1,16, có 60 sinh viên thủ dâm chiếm 35,71%; tần suất thủ dâm trung bình là 2,97 lần/tuần. Nam sinh viên có tiền sử cắt bao quy đầu là 10,71%. Chiều dài dương vật khi xiu, chu vi thân dương vật, đường kính quy đầu lần lượt là 6,35 ± 1,21(cm), 8,25 ± 0,82 (cm), 2,66 ± 0,3 (cm). Thực trạng bệnh lý dương vật lần lượt là 5,95%, 9,52% và 1,119% ghi nhận ở hẹp bao quy đầu, bán hẹp bao quy đầu và lỗ tiểu lệch thấp. **Kết luận:** Hình thái dương vật ở nam sinh viên Y1 phù hợp với nghiên cứu về hình thái của người Á Đông. Thực trạng bệnh lý dương vật còn gặp một số sinh viên về hẹp bao quy đầu, bán hẹp bao quy đầu và lỗ tiểu lệch thấp.

**Từ khoá:** hình thái dương vật, bệnh lý dương vật, sinh viên y1

## SUMMARY

### MORPHOLOGICAL CHARACTERISTICS OF PENIS PATHOLOGY IN STUDENTS OF HAI PHONG UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN 2024 – 2025

**Objectives:** 1. Describe the morphology of the penis of first – year medical students at Hai Phong University of Medicine and Pharmacy in 2024 -2025. 2. Describe the current state of penile pathology in the above group of students. **Research subjects and methods:** Cross – sectional descriptive study on 168 male first – year medical students, course 46, Hai Phong University of Medicine and Pharmacy in 2024 -2025. **Research results:** Male students were aged 18 to 20 years old. Average weight, height, and BMI were 66,78 ± 9,64 kg, 170,99 ± 6,10 cm, and 22,83 ± 3,04, respectively. Average puberty age was 14,45 ± 1,16, with 60 students masturbating, accounting for 35,71%; average masturbation frequency was 2,97 times for week. Male students with a history of circumcision were 10,71%. The flaccid penis length, penile circumference, and gland diameter were 6,35 ±

1,21 (cm), 8,25 ± 0,82 (cm), and 2,66 ± 0,3 (cm), respectively. The prevalence of penile pathology was 5,95%, 9,52% and 1,119%, respectively, recorded in phimosis, partial phimosis and hypospadias. **Conclusion:** The morphology of the penis in male medical students is consistent with the study of the morphology of Asians. The pathological status of the penis is also found in some students with phimosis, partial phimosis and hypospadias. **Keywords:** penis morphology, penile pathology, medical students.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, tỷ lệ nam giới mắc các bệnh lý về nam khoa ngày càng phổ biến. Các bệnh lý nam học thường gặp như vô sinh nam, suy sinh dục, rối loạn chứng năng tình dục và các bệnh lý liên quan khác. Theo kết quả khảo sát năm 2014 với 154 nam giới tại thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội thì có tới 40% người mắc các bệnh nam học [1]

Dương vật là phần sinh dục ngoài, có 2 phần: phần sau cố định, phần trước di động, gồm một rễ, một thân và quy đầu [2]

Dương vật có các bệnh lý về bẩm sinh như hẹp bao quy đầu, lỗ tiểu lệch thấp, cong dương vật bẩm sinh...; cũng như các bệnh lý mắc phải như bệnh Peyronie, nang dương vật, ung thư dương vật...

Đặc biệt trên thực tế, mỗi bận tâm về kích thước dương vật đã tồn tại trong suốt nhiều năm lịch sử phát triển của con người. Bắt đầu từ năm 1989, trong một thế kỷ, các nghiên cứu về chiều dài dương vật đã thu hút các nhà khoa học, tuy nhiên do sự khác biệt về phương pháp và lựa chọn bệnh nhân, kết quả không nhất quán và do đó không thể so sánh được [3]

Hàng năm, sinh viên Y1 trường Đại học Y Dược Hải Phòng được khám sức khoẻ, kiểm tra định kì vào tháng 09 trước khi nhập học. Khám sức khoẻ tiết niệu và nam học là một trong những bước cần thiết khi thăm khám nam sinh viên để phát hiện những bệnh lý bất thường ở dương vật, tinh hoàn và cũng như tư vấn sức khoẻ nam giới.

Do đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài “Đặc điểm hình thái bệnh lý dương vật ở sinh viên Y1 trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2024 -2025”, với 2 mục tiêu

1. Mô tả hình thái học dương vật ở sinh viên y khoa năm 1 trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2024 -2025

2. Mô tả thực trạng bệnh lý dương vật ở nhóm sinh viên trên.

<sup>1</sup>Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Chịu trách nhiệm chính: Phạm Quốc Hiệu

Email: pqhieuh@hpmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 6.10.2025

Ngày phản biện khoa học: 14.11.2025

Ngày duyệt bài: 8.12.2025

**II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**2.1. Đối tượng, thời gian và địa điểm nghiên cứu.** Đối tượng nghiên cứu gồm 168 nam sinh viên y khoa năm 1 khoá 46 năm học 2024 -2025 trường Đại học Y Dược Hải Phòng

- **Tiêu chuẩn lựa chọn:** Sinh viên nam được bác sỹ chuyên ngành tiết niệu – nam học hỏi bệnh và khám bệnh

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** sinh viên ngành học khác: răng – hàm mặt, y học dự phòng, điều dưỡng, liên thông, kĩ thuật xét nghiệm y học.

- **Thời gian nghiên cứu:** từ tháng 09/2024 đến tháng 06/2025

- Địa điểm nghiên cứu: Phòng khám Ngoại – Khoa Ngoại – Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng.

**2.2. Phương pháp nghiên cứu**

**2.2.1. Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang

**2.2.2. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:** Mẫu toàn bộ. Chọn mẫu thuận tiện.

**2.2.3. Các chỉ tiêu nghiên cứu:**

a. **Đặc điểm chung và hình thái dương vật**

- Tuổi: bằng năm hiện tại trừ đi năm sinh
- Cân nặng: tính bằng kg, đo bằng cân
- Chiều cao: tính bằng cm, đo bằng thước dây
- BMI: tính theo công thức  $BMI = \text{cân nặng (kg)} / \text{chiều cao}^2 \text{ (m)}$
- Tiền sử bệnh lý nội khoa: Không/ hoặc có
- Tiền sử phẫu thuật tiết niệu – nam học: Cắt bao quy đầu/ Mổ thoát vị bẹn/ Mổ lỗ niệu đạo lệch thấp

- Tuổi dậy thì: tính theo năm
- Tần suất thủ dâm: Số lần/tuần

**III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

Nghiên cứu trên 168 sinh viên, chúng tôi rút ra được một số kết quả sau:

**Bảng 3.1. Đặc điểm chung của 168 đối tượng nghiên cứu**

	Số người	Tỷ lệ %	Min	Max	Mean	SD
Tuổi			18	20	18,36	0,59
Cân nặng (kg)			48	95	66,78	9,64
Chiều cao (cm)			159	185	170,99	6,10
<b>BMI (kg/m<sup>2</sup>)</b>			16,98	30,32	22,83	3,04
BMI < 18,5	16	9,52%				
18,5 ≤ BMI < 23	63	37,5%				
23 ≤ BMI < 25	54	32,14%				
25 ≤ BMI < 27,5	23	13,69%				
27,5 ≤ BMI < 30	10	5,95%				
BMI ≥ 30	2	1,19%				
Tuổi dậy thì			10	17	14,45	1,16
Thủ dâm (lần/tuần)	60	35,71%	2	7	2,97	
Tiền sử mắc bệnh nội khoa	9	5,36%				
Tiền sử cắt bao quy đầu	18	10,71%				

**Nhận xét:** Tuổi thấp nhất là 18 tuổi, cao nhất 20 tuổi, cân nặng trung bình  $66,78 \pm 9,64$  kg, chiều cao trung bình là  $170,99 \pm 6,10$  cm, có

- Chiều dài dương vật lúc xù: tính bằng cm được đo bằng thước cứng từ điểm nổi giữa xương mu dương vật đến đầu quy đầu dọc theo mặt lưng bằng cách đẩy lớp mỡ trước xương mu vào xương ở trạng thái mềm và căng hoàn toàn không cương cứng

- Chu vi thân dương vật: dùng thước dây quấn một vòng quanh thân dương vật, tính bằng cm

- Đường kính dương vật = chu vi/3,14

- Đường kính quy đầu: đo bằng cm

**b. Trạng thái bệnh lý dương vật**

Hẹp bao quy đầu (phymosis): là lớp da quy đầu che phủ hoàn toàn hoặc một phần miệng sáo, không lộn được da quy đầu khỏi vành quy đầu

Bán hẹp bao quy đầu (paraphymosis): Là lớp da quy đầu che phủ không hoàn toàn miệng sáo, có thể lộn được da quy đầu xuống khỏi vành quy đầu, nhưng gây chít hẹp tại cổ quy đầu

Lỗ niệu đạo lệch thấp (hypospadias): khi miệng sáo không nằm chính giữa quy đầu, nằm lệch xuống vùng bụng dương vật

**2.3. Xử lý số liệu.** Xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0, sử dụng thống kê mô tả (% , trung bình) và xác định mối tương quan bằng kiểm định Chi – square với  $p < 0,05$  được coi là ý nghĩa thống kê.

**2.4. Đạo đức nghiên cứu.** Nghiên cứu được sự đồng ý của hội đồng khoa học trường Đại học Y Dược Hải Phòng, và ban giám đốc Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng. Các thông tin liên quan đến người tham gia nghiên cứu được đảm bảo bí mật và chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu.

37,5% là BMI nằm trong giới hạn từ 18,5 tới 23. Số sinh viên cắt bao quy đầu chiếm 10,71% và 60 sinh viên có thủ dâm chiếm tỷ lệ 35,71%.

**Bảng 3.2. Hình thái dương vật**

	Min	Max	Mean	SD
Chiều dài dương vật khi xù (mm)	35	90	63,57	12,13
Chu vi thân dương vật (mm)	65	105	82,59	8,24
Đường kính dương vật (mm)	20,70	33,44	26,43	2,63
Đường kính quy đầu (mm)	20	32	26,60	3,03

**Nhận xét:** Chiều dài dương vật khi xù trung bình là  $63,57 \pm 12,13$  mm, chu vi thân dương vật trung bình là  $82,59 \pm 8,24$  mm, đường kính dương vật trung bình là  $26,43 \pm 2,63$  mm, đường kính quy đầu trung bình là  $26,60 \pm 3,03$  mm

**Bảng 3.3: Thực trạng bệnh lý dương vật**

	Tổng số	Tỷ lệ
Hẹp bao quy đầu	10	5,95%
Bán hẹp bao quy đầu	16	9,52%
Cong dương vật	0	0
Lở niệu đạo lệch thấp	2	1,19%

**Nhận xét:** Bán hẹp bao quy đầu có 16 sinh viên chiếm 9,52%, hẹp bao quy đầu có 10 sinh viên chiếm 5,95% và có 2 sinh viên bị lở niệu đạo lệch thấp chiếm 1,19%

#### IV. BÀN LUẬN

Đối tượng nghiên cứu trong nghiên cứu này là 168 nam sinh viên y khoa năm thứ nhất của trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm học 2024-2025 nên tuổi gặp nhiều nhất là 18 tuổi, tuổi cao nhất là 20 tuổi.

Cân nặng trung bình của nam sinh viên là  $66,78 \pm 9,64$  kg, chiều cao trung bình là  $170,99 \pm 6,10$  cm, có 37,5% là BMI nằm trong giới hạn từ 18,5 tới 23. Như vậy, cân nặng và chiều cao trung bình có nhóm nam sinh viên thấp hơn không đáng kể so với chiều cao trung bình của nhóm tiếp viên hàng không ( $173,8 \pm 4,6$  cm) ở nghiên cứu của Tăng Thị Thuý và cộng sự năm 2024. Giải thích cho điều này vì tiêu chuẩn chiều cao chọn tiếp viên hàng không tại tổng công ty hàng không Việt Nam là nam  $\geq 170$ cm [4]. BMI chỉ số đánh giá tình trạng chỉ số khối của cơ thể, ở nhóm nam sinh viên gặp nhiều nhất 37,5% nằm trong khoảng  $18,5 \leq \text{BMI} < 23$  và 32,14% nằm trong khoảng  $23 \leq \text{BMI} < 25$ , có giá trị trung bình là 22,83. Như vậy đa phần nam sinh viên năm nhất có chỉ số BMI không béo phì. Kết quả này so sánh với nghiên cứu của tác giả Hoàng Thị Đức Ngân và cộng sự ghi nhận ở 454 nam giới trưởng thành >18 tuổi ở 03 tỉnh là Ninh Thuận, Cần Thơ và Hà Giang ( $23,99 \pm 0,24$ ) thì có kết quả tốt hơn [5]. Lý giải cho điều này vì đối tượng nghiên cứu của chúng tôi tuổi chỉ từ

18 đến 20 tuổi, lứa tuổi còn đang phát triển, hoạt động thể dục nhiều nên tình trạng béo phì chưa nhiều.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi ghi nhận tuổi dậy thì trung bình là  $14,45 \pm 1,16$ , sớm nhất là 10 tuổi và thấp nhất là 17 tuổi. So sánh với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Hải Hà và cộng sự năm 2017 ở Nam Định là 14 năm 1 tháng, với tác giả Nis Brix ở các nước châu Âu là 13,4 tuổi [6,7]. Như vậy, tuổi dậy thì của nam giới ở Việt Nam nằm trong khoảng 14 tuổi, dậy thì muộn hơn so với nam giới châu Âu.

Thủ dâm ở nam giới và nữ giới là một hành vi tự thoả mãn có từ thời xa xưa. Tần suất thủ dâm ở nam giới khác so với nữ giới, cũng khác so với người có đôi tác quan hệ và người còn độc thân. Theo nghiên cứu của tác giả Abdgullullah Gul và cộng sự nghiên cứu ở 113 nam đồng trinh người hồi giáo thì có 41,4% không có thủ dâm và 58,6% thủ dâm với tần suất một lần/tuần là 22 người chiếm 19,46%, mỗi lần/ngày là 12 người chiếm 10,6% [8]. Với nghiên cứu từ tác giả Makeda Geressu và cộng sự ở nam giới và nữ giới trưởng thành người Anh ghi nhận 73% nam giới thủ dâm, trong khi đó 36,8% ở nữ giới [9]. Như vậy, với tỷ lệ 35,71% nam sinh viên Y1 có thủ dâm ít hơn so với các nghiên cứu khác, có thể do sự ngại ngùng và tuổi còn trẻ khi đề cập đến vấn đề này nên sinh viên chưa trả lời phiếu khảo sát một cách trung thực.

So sánh chiều dài dương vật khi xù, chu vi thân dương vật, đường kính dương vật và đường kính quy đầu với kết quả của tác giả Nguyễn Hoài Bắc và cộng sự đã đo 14597 dương vật nam giới người Việt Nam từ năm 01/2014 đến 12/2019 tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội [10], chúng ta có bảng sau

**Bảng 4.1: So sánh chiều dài dương vật khi xù, chu vi thân dương vật và đường kính quy đầu**

	Chiều dài dương vật (cm)	Chu vi thân dương vật (cm)	Đường kính quy đầu (cm)
Tây Á	$8,96 \pm 1,13$	$8,81 \pm 0,96$	
Nam Á	$8,21 \pm 1,44$	$9,14 \pm 1,02$	
Châu Âu	$9,26 \pm 1,77$	$10,0 \pm 0,75$	
Bắc Mỹ	$9,01 \pm 2,15$	$9,52 \pm 1,52$	
Đông Á	$6,54 \pm 0,73$	$8,01 \pm 0,81$	$2,6 \pm 0,3$
Việt Nam [10]	$9,03 \pm 1,01$	$8,39 \pm 0,92$	$2,86 \pm 0,32$
Nghiên cứu này	$6,35 \pm 1,21$	$8,25 \pm 0,82$	$2,66 \pm 0,3$

Như vậy, chiều dài dương vật khi xù, chu vi thân dương vật, và đường kính quy đầu ở nhóm

ngiên cứu tương đồng với kết quả ở nghiên cứu về hình thái dương vật của người Đông Á. Kết quả thấp hơn so với tác giả Nguyễn Hoài Bắc có thể vì nhóm nghiên cứu chúng tôi là các nam sinh viên từ 18 tới 20 tuổi, còn đang trong độ tuổi phát triển, nhiều sinh viên chưa hết qua tuổi dậy thì nên chiều dài dương vật, chu vi thân dương vật và đường kính quy đầu chưa phát triển hết.

Về thực trạng bệnh lý dương vật, chúng tôi ghi nhận có 18 sinh viên chiếm 10,71 % đã cắt bao quy đầu, 10 sinh viên chiếm 5,95% còn hẹp bao quy đầu, 16 sinh viên chiếm 9,52% bán hẹp bao quy đầu, 2 sinh viên chiếm 1,19% lỗ niệu đạo lệch thấp ở thể nhẹ ngay sát quy đầu và không có trường hợp nào cong dương vật bẩm sinh. Kết quả nghiên cứu cũng gần tương đối với kết quả của Nguyễn Hoài Bắc là 5,6% cắt bao quy đầu.

## V. KẾT LUẬN

Hình thái của dương vật (chiều dài dương vật khi xù, chu vi thân dương vật và đường kính quy đầu) của nam sinh viên năm 1 khoá 46 trường Đại học Y Dược Hải Phòng có các chỉ số phù hợp với đặc điểm của người Đông Á. Các đặc điểm bệnh lý dương vật như hẹp bao quy đầu, bán hẹp bao quy đầu và lỗ tiểu lệch thấp ghi nhận là 5,95%, 9,52% và 1,119%.

## VI. LỜI CẢM ƠN

Một phần kinh phí thực hiện nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, mã số đề tài HPMU.ĐTCS.2024.163

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Thị Oanh, Nguyễn Hoài Bắc, Chu Thị Chi.** Tình trạng lo âu và một số yếu tố liên quan ở người bệnh khám nam học tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. Tạp chí nghiên cứu y học. 2021; 147(11): 116 -120
- Nguyễn Quang Quyền.** Bài giảng Giải Phẫu Học tập 2. NXB Y học, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, 2012: 249
- Bac Nguyen Hoai, Quan Pham Minh, Thang Nguyen Cao.** Data from 14,597 penile measurement of vietnamese men. Andrology. 2021; 9: 906 -915
- Tăng Thị Thuỳ, Nguyễn Hoàng, Đỗ Nam Khánh.** Tình trạng dinh dưỡng của tiếp viên hàng không tại tổng công ty hàng không Việt Nam năm 2024 (theo chuẩn WHO 2006). Tạp chí Y học Việt Nam. 2025; 546: 161 -165.
- Hoàng Thị Đức Ngân, Hoàng Thị Thảo Nghiên, Vũ Văn Tân và cs.** Tình trạng béo phì và tỷ lệ mỡ cơ thể tăng lên theo độ tuổi – Kết quả từ một nghiên cứu ở nam giới trưởng thành tại 3 tỉnh của Việt Nam. Tạp chí Y học Việt Nam. 2024;539: 139 -142
- Nis Brix, Andreas Ernst, Lea Lykke Braskhøj Lauridsen et al.** Timing of puberty in boys and girls: A population-based study. Paediatric and Perinatal Epidemiology. 2019; 33: 70 -78
- Nguyễn Thị Hải Hà, Mai Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Tú Anh.** Nghiên cứu về sự thay đổi ở tuổi dậy thì của học sinh trung học cơ sở huyện vụ bản- tỉnh nam định. TNU Journal of Science and Technology. 2017(14): 231 – 236
- Abdglullah Gul, Emrah Yuruk, Ege Can Serefoglu.** Frequency of nocturnal emissions and masturbation habits among virgin male religious teenagers. Revista Internacional de Andrologia. 2020; 18(1): 21 -26
- Makeda Geressu, Catherine H.Mercer, Cynthia A. Graham et al.** Prevalence of masturbation and Associated factors in a British National probability survey. Archives of Sexual Behavior. 2008; 37: 266 -278.

# ĐAU DÂY THẦN KINH V KHÔNG ĐIỂN HÌNH: HIỆU QUẢ PHONG BẾ HẠCH CÁNH KHẨU DƯỚI HƯỚNG DẪN SIÊU ÂM

Lê Viết Thăng<sup>1,2</sup>, Bùi Hoàng Tuấn Dũng<sup>2</sup>

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Đau dây thần kinh V không điển hình (Atypical Trigeminal Neuralgia – ATN) là một dạng đau mạn tính vùng mặt, đặc trưng bởi cảm giác đau âm ỉ, bùng phát và liên tục, khác với kiểu cơn kịch phát điển

hình. Bệnh gây ảnh hưởng lớn đến chất lượng cuộc sống và khả năng hoạt động của người bệnh. Phong bế hạch cánh khẩu (Pterygopalatine Ganglion Block – PPGb) dưới hướng dẫn siêu âm là một kỹ thuật can thiệp ít xâm lấn, được kỳ vọng mang lại hiệu quả giảm đau cho nhóm bệnh nhân kháng trị với thuốc. Đánh giá hiệu quả và tính an toàn của kỹ thuật phong bế hạch cánh khẩu dưới hướng dẫn siêu âm trong điều trị đau dây thần kinh V không điển hình. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu quan sát tiến cứu, đơn trung tâm, thực hiện tại Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh từ 08/2024 đến 08/2025, gồm 32 bệnh nhân ATN, trong đó 30 bệnh nhân hoàn thành theo dõi 12 tuần. Người bệnh được phong bế hạch cánh

<sup>1</sup>Trường Y, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh

<sup>2</sup>Bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm chính: Lê Viết Thăng

Email: thang.lv@umc.edu.vn

Ngày nhận bài: 10.10.2025

Ngày phản biện khoa học: 24.11.2025

Ngày duyệt bài: 12.12.2025